# NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 08/2022/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022* |

## THÔNG TƯ
## Quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Việc giám sát hệ thống thanh toán, giám sát an toàn hệ thống thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

4. Việc giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Việc giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo các quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm:

a) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô.

2. Đối tượng giám sát ngân hàng bao gồm:

a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô;

b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*1. Giám sát ngân hàng* bao gồm giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô.

*2. Giám sát an toàn vi mô* là hình thức giám sát an toàn đối với từng đối tượng giám sát vi mô.

*3. Giám sát an toàn vĩ mô* là hình thức giám sát an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*4. Đối tượng giám sát ngân hàng* bao gồm:

a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô bao gồm:

(i) Tổ chức tín dụng, trừ ngân hàng chính sách thực hiện theo các quy định của pháp luật;

(ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Chi nhánh của tổ chức tín dụng. Đối với phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân thì giám sát thông qua quỹ tín dụng nhân dân. Đối với phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng khác thì giám sát chung thông qua chi nhánh quản lý phòng giao dịch đó;

(iv) Đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống và nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân theo loại hình hoạt động, loại hình sở hữu.

*5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô* là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật.

*6. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô* là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật.

*7. Giám sát tuân thủ* là việc xem xét, theo dõi, phân tích, nhận định (sau đây gọi tắt là phân tích, nhận định) về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an

toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; tình hình thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 9 Điều này.

*8. Giám sát tăng cường* là giám sát an toàn vi mô áp dụng đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô thông qua việc bổ sung một số nội dung giám sát, tần suất báo cáo theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

*9. Chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng* là việc Ngân hàng Nhà nước (hoặc Ngân hàng Nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị) chỉ đạo, yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện một số nội dung, công việc tại các văn bản sau đây:

a) Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra;

b) Văn bản khuyến nghị, cảnh báo trong giám sát ngân hàng;

c) Văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu nội dung, công việc cụ thể.

*10. Giám sát rủi ro* là việc phân tích, nhận định về tình hình rủi ro (bao gồm cả rủi ro hệ thống) để cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng.

*11. Rủi ro* là khả năng xảy ra tổn thất (tổn thất tài chính, tổn thất phi tài chính) làm giảm doanh thu, vốn tự có dẫn đến làm giảm tỷ lệ an toàn vốn hoặc hạn chế khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*12. Rủi ro hệ thống* là khả năng xảy ra tổn thất lan truyền từ sự gián đoạn hoạt động, đổ vỡ của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài riêng lẻ tới hệ thống hoặc nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, làm gián đoạn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*13. Khủng hoảng hệ thống ngân hàng* là sự đổ vỡ ngân hàng mang tính hệ thống, xảy ra khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả, khả năng thanh toán, phá sản. Khủng hoảng hệ thống ngân hàng

thường gắn liền với sự rút tiền đột ngột của người gửi tiền lan rộng trong toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*14. Tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng* là việc đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh tính chính xác, đầy đủ của tài liệu, thông tin, báo cáo và làm rõ những vấn đề có liên quan đến rủi ro và việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động tiền tệ, ngân hàng phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng.

*15. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế.

*16. Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc xây dựng, cập nhật, duy trì đáp ứng các yêu cầu truy cập, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng.

*17. Sổ tay giám sát ngân hàng* là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ giám sát ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;

b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát;

c) Các công cụ hỗ trợ giám sát;

d) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;

đ) Hồ sơ giám sát ngân hàng.

*18. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 4. Nguyên tắc giám sát ngân hàng**

Việc giám sát ngân hàng thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều 4 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung) quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

2. Nguyên tắc kết hợp giám sát tuân thủ với giám sát rủi ro, giám sát an toàn vi mô với giám sát an toàn vĩ mô.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng**

1. Trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng thực hiện như sau:

a) Bước 1: Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;

b) Bước 2: Thực hiện các nội dung giám sát tuân thủ và/hoặc giám sát rủi ro;

c) Bước 3: Lập báo cáo giám sát, đề xuất các biện pháp xử lý.

2. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện kết luận thanh tra và quy định tại Thông tư này.

**Điều 6. Quản lý, lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu**

Tài liệu, thông tin, dữ liệu sau khi được tổng hợp, xử lý phải được lưu trữ, quản lý để phục vụ cho công tác thanh tra, giám sát ngân hàng theo các nguyên tắc sau:

1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ một cách khoa học, đầy đủ theo từng hồ sơ của từng đối tượng giám sát ngân hàng và toàn hệ thống.

2. Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập phải được lưu trữ theo quy định pháp luật hiện hành về lưu trữ.

3. Việc quản lý, lưu trữ, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu có thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc bảo mật thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng và thông tin khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật.

## Chương II
## GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

### Mục 1
### THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ XỬ LÝ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, DỮ LIỆU

**Điều 7. Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu**

1. Các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát ngân hàng bao gồm:

a) Dữ liệu, báo cáo theo quy định pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;

b) Dữ liệu về khách hàng của đối tượng giám sát ngân hàng từ Trung tâm Thông tin Tín dụng quốc gia Việt Nam (sau đây viết tắt là CIC), nguồn thông tin, tài liệu phục vụ giám sát từ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

c) Thông tin từ hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý sau thanh tra;

d) Thông tin từ hoạt động cấp phép của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Kết quả kiểm toán độc lập;

e) Thông tin từ kết quả xếp hạng và xếp loại của cơ quan quản lý nhà nước;

g) Báo cáo giám sát an toàn vi mô, vĩ mô, biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô, vĩ mô;

h) Báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền khác;

i) Yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng, bao gồm cả văn bản chỉ đạo, yêu cầu của các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước;

k) Biên bản làm việc, văn bản giải trình, hồ sơ tài liệu, dữ liệu của đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp;

l) Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập từ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các nguồn khác (nếu có).

2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này thông qua hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa.

3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận được từ các nguồn quy định tại các điểm h, i, k, l khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Xử lý, cập nhật, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu**

Căn cứ nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện xử lý, tổng hợp như sau:

1. Đối với tài liệu, thông tin, dữ liệu được cập nhật tự động từ hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, từ CIC vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện xử lý theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa.

2. Đối với tài liệu, thông tin, dữ liệu khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện như sau:

a) Rà soát tính logic, tính hợp lý của thông tin thông qua việc so sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện vấn đề bất thường, thiếu logic hoặc bất hợp lý;

b) Cập nhật các tài liệu, thông tin, dữ liệu cần thiết vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa theo quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử

dụng phần mềm hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

3. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình cấp có thẩm quyền yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo, giải trình thông qua hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng quy định tại Chương IV Thông tư này.

4. Căn cứ các thông tin đã được tổng hợp, xử lý, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện các nội dung quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương này.

## Mục 2
## NỘI DUNG GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

### Điều 9. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xác định phạm vi, nội dung của thông tin liên quan đến hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô để giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, trong đó tập trung vào một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

a) Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

b) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở kết quả từ hệ thống

thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 50 và khoản 4 Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương III Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

d) Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về góp vốn, cho vay, gửi tiền, đầu tư của tổ chức tín dụng vào công ty con, công ty liên kết, chi nhánh ở nước ngoài;

đ) Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung): Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát.

2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát tuân thủ việc thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô (nếu có).

3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát rủi ro thông qua việc sử dụng mô hình và phương pháp phân tích rủi ro do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ và/hoặc thực hiện phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng thông qua một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

a) Phân tích, nhận định về những thay đổi trọng yếu, các biến động bất thường thông qua việc sử dụng các ngưỡng thay đổi của các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lãi dự thu, chi phí, kết quả kinh doanh, và các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở kết quả từ hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên.

b) Xem xét những tác động trọng yếu đến quản trị, điều hành của đối tượng giám sát an toàn vi mô thông qua đánh giá tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quy định tại Điều 50 và Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

(ii) Thay đổi về tình hình cổ đông, sở hữu cổ phần, cổ phiếu của người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn và người có liên quan của các cá nhân, tổ chức này (trong đó bao gồm cả khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần với mục đích nắm quyền kiểm soát đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần);

(iii) Thay đổi về tình hình góp vốn, thành viên góp vốn, chủ sở hữu đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

c) Trên cơ sở những thông tin bất lợi có thể ảnh hưởng trọng yếu đến đối tượng giám sát an toàn vi mô nhận được, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đánh giá, nhận định về tình hình rủi ro của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

d) Giám sát tình hình cấp tín dụng, chất lượng tín dụng đối với lĩnh vực, khách hàng và giao dịch có rủi ro cao trong hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô để phân tích và đánh giá mức độ tác động trọng yếu đến hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xác định những lĩnh vực, đối tượng khách hàng, giao dịch có rủi ro cao trong từng thời kỳ.

4. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, trong trường hợp cần thiết, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện rà soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, chất lượng tín dụng, rủi ro của các giao dịch có giá trị lớn (bao gồm các khoản cấp tín dụng, các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, các khoản phải thu khác). Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xem xét, quyết định cụ thể mức giá trị lớn của các giao dịch nêu trên.

5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung giám sát khác đối với đối tượng giám sát an toàn

vi mô thuộc phạm vi phân công giám sát phù hợp với nhu cầu và nguồn lực của đơn vị.

**Điều 10. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với chi nhánh của tổ chức tín dụng**

1. Giám sát tuân thủ gồm:

a) Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về:

(i) Chế độ báo cáo thống kê của chi nhánh theo quy định về chế độ báo cáo thống kê;

(ii) Các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng áp dụng đối với chi nhánh.

b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát tuân thủ việc thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô (nếu có).

2. Giám sát rủi ro tập trung vào các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Các khoản mục tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và chênh lệch thu chi;

b) Tình hình cấp tín dụng và chất lượng tín dụng của đối tượng giám sát an toàn vi mô. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện rà soát, đánh giá khoản cấp tín dụng, các khoản phải thu khác có giá trị lớn của đối tượng giám sát an toàn vi mô. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định cụ thể mức giá trị lớn của các giao dịch này;

c) Lập, cập nhật danh sách thông tin nhân sự, trong đó tối thiểu bao gồm giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng;

d) Các thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của đối tượng giám sát.

3. Đối với các phòng giao dịch có quy mô lớn trên địa bàn do Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh quyết định hoặc các phòng giao dịch có phát sinh thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của phòng giao dịch đó, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này thông qua chi nhánh quản lý các phòng giao dịch đó.

**Điều 11. Giám sát tăng cường**

1. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định áp dụng giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được xếp hạng C hoặc D đối với quỹ tín dụng nhân dân; hoặc hạng D hoặc E đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được áp dụng biện pháp can thiệp sớm theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

c) Đối tượng khác theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định việc giám sát tăng cường, trong đó tối thiểu bao gồm:

a) Phạm vi giám sát;

b) Chủ thể giám sát;

c) Nội dung giám sát, trong đó tối thiểu bao gồm giám sát tình hình thanh khoản; các khoản cấp tín dụng, các khoản phải thu và các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần hoặc khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp;

d) Tần suất báo cáo của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

đ) Nội dung phối hợp của các đơn vị, cá nhân liên quan trong hoạt động giám sát tăng cường (nếu có).

## Mục 3
## LẬP BÁO CÁO, HỒ SƠ GIÁM SÁT VÀ ĐỀ XUẤT, THỰC HIỆN BIỆN PHÁP XỬ LÝ

**Điều 12. Lập báo cáo giám sát an toàn vi mô và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý**

1. Trên cơ sở kết quả giám sát tuân thủ, giám sát rủi ro theo quy định tại Mục 2 Chương này và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tiến hành:

a) Lập báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đề xuất, thực hiện các biện pháp xử lý quy định tại Chương V Thông tư này (nếu cần thiết).

2. Nguyên tắc lập, phê duyệt, gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất:

a) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được lập khi đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô phát hiện các vi phạm, nguy cơ vi phạm pháp luật, các rủi ro có ảnh hưởng đến sự an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

b) Việc phê duyệt, gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất thực hiện như sau:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

(ii) Căn cứ kiến nghị tại báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất và thẩm quyền giải quyết kiến nghị theo quy định của pháp luật, báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được gửi đến cấp có thẩm quyền để xem xét, quyết định;

(iii) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất được lập theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nào thì phải được gửi đến cấp có thẩm quyền đó để xem xét, xử lý.

3. Nguyên tắc lập, phê duyệt và gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng đầu năm phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vi mô hằng năm được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô được lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho đối tượng giám sát ngân hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này cho các đối tượng giám sát ngân hàng là các chi nhánh của cùng một tổ chức tín dụng trên địa bàn;

c) Việc phê duyệt, gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ thực hiện như sau:

(i) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và phải được gửi đến Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo;

(ii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và phải được gửi đến Lãnh đạo Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để báo cáo;

(iii) Đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thuộc cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng, năm phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô và được gửi đến Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo;

(iv) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vi mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vi mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.

**Điều 13. Hồ sơ giám sát an toàn vi mô**

1. Hồ sơ giám sát an toàn vi mô bao gồm các báo cáo giám sát an toàn vi mô (định kỳ và đột xuất), tài liệu tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng và hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô.

2. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng bị áp dụng can thiệp sớm, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm Quyết định áp dụng can thiệp sớm, phương án khắc phục.

3. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng bị áp dụng giám sát tăng cường, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm Quyết định áp dụng giám sát tăng cường và các thông tin, tài liệu, dữ liệu, biện pháp xử lý về giám sát tăng cường.

## Chương III
## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM SÁT AN TOÀN VĨ MÔ

### Mục 1
### THU THẬP, TỔNG HỢP, XỬ LÝ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, DỮ LIỆU

**Điều 14. Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu**

1. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô tiến hành thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu của đối tượng giám sát ngân hàng từ các nguồn sau đây:

a) Các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô, hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô (trừ quỹ tín dụng nhân dân);

c) Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô yêu cầu hoặc trình cấp có thẩm quyền yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập từ các nguồn quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát an toàn vĩ mô.

3. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vĩ mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đề nghị đối tượng giám sát có báo cáo, giải trình.

## Mục 2
## NỘI DUNG GIÁM SÁT AN TOÀN VĨ MÔ

**Điều 15. Nội dung giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô giám sát rủi ro thông qua một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

1. Phân tích, nhận định mức độ lành mạnh tài chính nhằm phát hiện rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống bao gồm:

a) Phân tích, nhận định về tình hình vốn chủ sở hữu, mức độ an toàn vốn, tình hình huy động vốn, sử dụng vốn;

b) Phân tích, nhận định về tình hình thanh khoản;

c) Phân tích, nhận định về nợ xấu, chất lượng tài sản;

d) Phân tích, nhận định về hoạt động liên ngân hàng;

đ) Phân tích, nhận định về kết quả hoạt động kinh doanh; lãi dự thu.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô sử dụng các ngưỡng thay đổi phù hợp với đặc điểm của đối tượng giám sát an toàn vĩ mô để đánh giá về rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên.

2. Phân tích, nhận định các diễn biến kinh tế vĩ mô, tác động của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến mức độ ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Kiểm tra sức chịu đựng định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

a) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng thông qua phân tích, dự báo về diễn biến nợ xấu theo các kịch bản kinh tế vĩ mô, tác động của các giả định về chuyển nhóm nợ, giả định về khách hàng lớn mất khả năng trả nợ;

b) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thị trường thông qua phân tích tác động theo các kịch bản biến động về tỷ giá, lãi suất lên mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống, nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro lan truyền liên ngân hàng;

d) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thanh khoản thông qua phân tích khả năng thanh khoản trong trường hợp xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt.

4. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện phân tích, nhận định về khả năng xảy ra khủng hoảng hệ thống ngân hàng và biện pháp ứng phó.

5. Đối với nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện giám sát tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất khi phát sinh nhận định về rủi ro hệ thống theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô dựa vào các chỉ tiêu về quy mô, tính liên kết lẫn nhau, khả năng thay thế để lập danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trước 31 tháng 3 hằng năm.

6. Đối với nhóm quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung giám sát khác phù hợp với nhu cầu và nguồn lực của đơn vị.

## Mục 3
## LẬP BÁO CÁO, HỒ SƠ GIÁM SÁT VÀ ĐỀ XUẤT, THỰC HIỆN BIỆN PHÁP XỬ LÝ

**Điều 16. Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý**

1. Trên cơ sở kết quả giám sát rủi ro theo quy định tại Mục 2 Chương này và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô tiến hành:

a) Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đề xuất đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô nghiên cứu, xem xét áp dụng biện pháp xử lý quy định tại Chương V Thông tư này đối với đối tượng giám sát ngân hàng (nếu cần thiết).

2. Nguyên tắc lập, gửi báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất:

a) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được lập khi đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô phát hiện các rủi ro có ảnh hưởng đến sự an toàn hoặc có nguy cơ gây ra khủng hoảng ngân hàng của hệ thống, nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc khi có yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất được phê duyệt và gửi cấp có thẩm quyền theo nguyên tắc:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;

(ii) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất được lập theo yêu cầu của Thống đốc thì phải được gửi đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý;

(iii) Căn cứ kiến nghị tại báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất và thẩm quyền giải quyết kiến nghị theo quy định của pháp luật, báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc lập, gửi báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô 6 tháng đầu năm phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô hằng năm được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ được phê duyệt và gửi cấp có thẩm quyền theo nguyên tắc:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô và được gửi đến Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo;

(ii) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vĩ mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vĩ mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.

**Điều 17. Hồ sơ giám sát an toàn vĩ mô**

Hồ sơ giám sát an toàn vĩ mô bao gồm các báo cáo giám sát an toàn vĩ mô (định kỳ và đột xuất) và hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô.

## Chương IV
## TIẾP XÚC ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

**Điều 18. Hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng**

Việc tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Yêu cầu giải trình bằng văn bản.

2. Làm việc trực tiếp.

**Điều 19. Yêu cầu giải trình bằng văn bản**

1. Trong trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô hoặc những vấn đề có liên

quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô) yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình.

2. Căn cứ thời hạn giải trình được quy định tại văn bản yêu cầu giải trình, đối tượng giám sát ngân hàng phải có văn bản giải trình, bao gồm tối thiểu các nội dung:

a) Nội dung giải trình theo từng yêu cầu cụ thể, trong đó bao gồm cả phân tích thực trạng, nguyên nhân;

b) Đề xuất biện pháp chỉnh sửa, khắc phục (bao gồm cả lộ trình thực hiện) trong trường hợp đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu.

**Điều 20. Làm việc trực tiếp**

1. Trong trường hợp cần thiết, khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô) quyết định thành lập tổ công tác, nội dung làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng.

2. Trước khi làm việc trực tiếp, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng phải thông báo bằng văn bản tới đối tượng giám sát ngân hàng ít nhất trước 03 ngày làm việc; văn bản thông báo phải nêu rõ thành phần của tổ công tác, nội dung, thời gian, địa điểm làm việc.

3. Kết quả làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng phải được lập thành biên bản theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và có ký xác nhận giữa đại diện tổ công tác và đối tượng giám sát ngân hàng.

## Chương V
## CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TRONG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

**Điều 21. Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng**

1. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng; tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (nếu có); trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:

a) Áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điều 25 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung) quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

b) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

c) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;

d) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng (nếu có).

2. Trường hợp cần thiết, để đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung hoạt động theo quy định pháp luật.

**Điều 22. Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng**

1. Căn cứ kết quả giám sát, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng.

2. Việc khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng căn cứ vào một hoặc kết hợp một số nội dung sau đây:

a) Khi kết quả giám sát thể hiện dưới hình thức chỉ tiêu định lượng của đối tượng giám sát ngân hàng vượt ngưỡng cảnh báo;

b) Trên cơ sở áp dụng phương pháp chuyên gia khi đánh giá, phân tích các thông tin định tính phản ánh các rủi ro tiềm ẩn và nguy cơ vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng từ kết quả giám sát kết hợp với kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán độc lập, kết luận kiểm toán nội bộ, thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước khác;

c) Khi có yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xuất phát từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

3. Khi nhận được các khuyến nghị, cảnh báo, đối tượng giám sát ngân hàng phải có trách nhiệm kịp thời báo cáo, giải trình các khuyến nghị, cảnh báo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm tối thiểu các nội dung như thực trạng, nguyên nhân và kế hoạch khắc phục. Thời hạn nộp báo cáo, giải trình của đối tượng giám sát ngân hàng được nêu cụ thể trong văn bản khuyến nghị, cảnh báo gửi đối tượng giám sát ngân hàng. Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo của đối tượng giám sát ngân hàng.

4. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng tiếp tục tiềm ẩn rủi ro, có nguy cơ vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng sau khi thực hiện kế hoạch khắc phục, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng kiến nghị cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng quy định tại Điều 21 Thông tư này.

**Điều 23. Áp dụng can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng**

1. Thẩm quyền quyết định việc can thiệp sớm quy định tại Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung):

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

2. Căn cứ kết quả giám sát ngân hàng và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung), đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện:

a) Trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản áp dụng can thiệp sớm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Trình Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản áp dụng can thiệp sớm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm, đối tượng giám sát ngân hàng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) báo cáo thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết.

Việc xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng phải căn cứ vào thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng và phải bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung phương án khắc phục, đối tượng giám sát ngân hàng có trách nhiệm gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phương án khắc phục (đã điều chỉnh, bổ sung) và tổ chức triển khai thực hiện.

5. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa

đổi, bổ sung) hoặc hết thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung), đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình:

a) Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

6. Sau khi đối tượng giám sát ngân hàng khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) hoặc khi đối tượng giám sát ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình:

a) Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, ban hành văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, ban hành văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm với đối tượng giám sát ngân hàng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

7. Trong quá trình xây dựng và triển khai áp dụng can thiệp sớm, phương án khắc phục, trường hợp cần thiết, để làm rõ những tồn tại, hạn chế và giải pháp khắc phục phù hợp, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng (không bao gồm

chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

c) Căn cứ kết quả việc thực hiện phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng, nếu phát hiện có sự chậm trễ hoặc không có hiệu quả trong quá trình thực hiện, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo giải trình nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

## Chương VI
## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

### Điều 24. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giám sát ngân hàng trong toàn bộ hệ thống Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức có liên quan thực hiện hoạt động giám sát ngân hàng.

3. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc phạm vi phân công giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Quyết định ban hành Sổ tay giám sát ngân hàng để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống.

5. Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, đầu tư, xây dựng, ứng dụng, quản lý cơ sở dữ liệu và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát ngân hàng thống nhất trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 15 Thông tư này.

7. Quyết định các mức ngưỡng thay đổi của giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.

8. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành mô hình và phương pháp phân tích rủi ro trong từng thời kỳ.

9. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh**

1. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức có liên quan trong hoạt động giám sát an toàn vi mô thuộc phạm vi được phân công.

2. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô**

1. Thực hiện, tham mưu, đề xuất Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo quy định tại Thông tư này.

3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô được xem xét, quyết định cơ chế cán bộ chuyên quản đối với từng đối tượng giám sát ngân hàng theo nguyên tắc sau đây:

a) Cán bộ chuyên quản có quyền tiếp cận thông tin tổng thể về đối tượng giám sát ngân hàng do mình giám sát, bao gồm cả thông tin trong hoạt động thanh tra ngân hàng và hoạt động cấp phép;

b) Cán bộ chuyên quản được xem xét tham gia các đoàn thanh tra mà đối tượng thanh tra là đối tượng giám sát ngân hàng do cán bộ chuyên quản đó giám sát.

4. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

5. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô nhưng không bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là chi nhánh của tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô.

6. Phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô xác định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

**Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô**

1. Thực hiện, tham mưu, đề xuất Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.

3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô.

4. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xác định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với từng loại hình tổ chức tín dụng trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định.

5. Xác định các ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định.

6. Lập danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

**Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong hoạt động giám sát an toàn ngân hàng.

3. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát ban hành theo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị đó đầu mối xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

**Điều 29. Trách nhiệm của đối tượng giám sát ngân hàng**

1. Thực hiện cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 7, Điều 14 Thông tư này và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp.

2. Thực hiện nội dung, yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng khi nhận được văn bản yêu cầu giải trình hoặc yêu cầu của tổ công tác khi làm việc trực tiếp theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

3. Chấp hành đầy đủ các biện pháp xử lý trong hoạt động giám sát ngân hàng theo quy định tại Chương V Thông tư này.

4. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2022, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xử lý, cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu tự động vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa của đối tượng giám sát an toàn vi mô là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư này được thực hiện khi có hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa tương ứng. Trong thời gian chưa có hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa tương ứng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện như sau:

a) Căn cứ nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, 4 Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện thu thập, rà soát tính logic, tính hợp lý của thông tin thông qua việc so sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện vấn đề bất thường, thiếu logic hoặc bất hợp lý.

b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xử lý, tổng hợp tài liệu, thông tin dữ liệu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 8 Thông tư này.

3. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2017 quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng và Thông tư số 04/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2017.

**Điều 31. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC**
**PHÓ THỐNG ĐỐC**

**Đoàn Thái Sơn**

**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

(1)…….. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)……. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(3)……

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Hôm nay, hồi.... giờ..... ngày.... tháng.... năm.... tại..... (4) Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số..... đã tiến hành làm việc với.....(5) về.....(6)**

**I. Thành phần gồm có:**

1. Tổ công tác:

- Ông (bà)..... chức vụ.....

- .....

2. Đại diện..... (7)

- Ông (bà)..... chức vụ.....

- .....

**II. Nội dung:**

..... (8)

Buổi làm việc kết thúc vào hồi…... giờ…. ngày…… tháng….. năm…..….,

Biên bản này đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và Đại diện các bên ký xác nhận. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và được lập thành… bản, mỗi bên giữ… bản.

..... (5) **ĐẠI DIỆN TỔ CÔNG TÁC**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan tiến hành làm việc trực tiếp.
(2) Tên Tổ công tác.
(3) Số biên bản làm việc
(4) Địa điểm làm việc.
(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
(6) Nội dung làm việc.
(7) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân làm việc với Tổ công tác.
(8) Nêu rõ diễn biến, kết quả của buổi làm việc

**Phụ lục II**

**MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

*Các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tham khảo mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô dưới đây nhằm xây dựng Mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ phù hợp với đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng do đơn vị mình phụ trách. Lưu ý đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu theo quy định tại Thông tư...../2022/TT-NHNN. Đối với Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô không cần thiết trình bày các mục A, C, D, E, F và chỉ trình bày cụ thể nội dung cần báo cáo đột xuất tại mục B (không cần trình bày các nội dung không liên quan tại mục B) và đề xuất kiến nghị tại mục G.*

| | |
|---|---|
| …… (1)…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **…. (2) …** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-…(3)… | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ**

*(tên đối tượng giám sát)*

**… NĂM …**

| **TRẠNG THÁI BÁO CÁO** | |
|---|---|
| Báo cáo định kỳ: ☐<br>Báo cáo đột xuất: ☐ | |
| Ngày thực hiện:<br>Số liệu tại thời điểm:<br>Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính<br>Cân đối tài Khoản kế toán<br>Báo cáo thống kê khác | ***Lần báo cáo gần nhất:*** *(định kỳ/đột xuất)*<br>Ngày thực hiện:<br>Số liệu tại thời điểm: |

| **HỒ SƠ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI** | | |
|---|---|---|
| Tên: | Tên viết tắt: | |
| Địa điểm: | Điện thoại: | Fax: |
| Cán bộ làm đầu mối liên lạc: | | |
| Tên: Điện thoại: Email: | | |

| **HỒ SƠ CÁN BỘ GIÁM SÁT** | | | |
|---|---|---|---|
| Cán bộ giám sát: | Thời gian giám sát:<br>(Từ mm/20xx đến mm/20xx) | Điện thoại: | Email: |
| Cán bộ giám sát trước: | Thời gian giám sát:<br>(Từ / đến / ) | Điện thoại: | Email: |

**A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**A.1. THÔNG TIN CƠ BẢN**

| | | |
|---|---|---|
| Giấy phép hoạt động số | | Giấy phép hoạt động số… ngày…. của…<br>Thời gian hoạt động theo giấy phép |
| Trụ sở chính | | |
| Ngân hàng Mẹ<br>(Quốc gia của ngân hàng Mẹ) | | |
| Mạng lưới | | (Số lượng chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện)<br>(Nếu số lượng < 5 thì ghi chi tiết thành phố, tỉnh nơi có mạng lưới) |
| Năm khai trương hoạt động | | |
| Vốn | Vốn điều lệ | |
| | Vốn CSH | |
| | Vốn tự có | |
| Tổng Giám Đốc (kể từ ngày) | | |

**A.2. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

| **1.** ***Các nội dung hoạt động được quy định trong Giấy phép hoạt động số*** |
|---|
| 1.<br>2.<br>3.<br>4.<br>5.<br>6.<br>7.<br>8.<br>9.<br>10. |

| **2. *Các văn bản/Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động*** | |
|---|---|
| Số Văn bản | 1.<br>2.<br>3.<br>4.<br>5. |
| **3. *Một số đặc điểm trong tổ chức và hoạt động***<br>- *(phương pháp phân loại nợ, trích lập dự phòng)*<br>- *(tăng trưởng tín dụng được phê duyệt)*<br>- *(các đề nghị về cho vay ngoại tệ, cấp tín dụng vượt 15% VTC… của đơn vị)*<br>- *(các công cụ tài chính phái sinh)*<br>- *(các đặc điểm cần lưu ý khác)* | |

**A.3. TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH**

**1. Cơ cấu tổ chức**

*[Ghi đầy đủ thông tin về cơ cấu tổ chức của ngân hàng: Sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động (các Khối, Ủy ban, Phòng, Ban, Chi nhánh, phòng giao dịch), Thông tin về Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Kiểm toán nội bộ, Các nhân sự quản lý cấp cao khác cần lưu ý.]*

*[Những thay đổi về nhân sự HĐQT/HĐTV BKS, KTNB, TGĐ và những thay đổi liên quan đến chi nhánh (đối với TCTD 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh); Nhân sự điều hành của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thay đổi… tình hình mới phát sinh trong kỳ báo cáo]*

**2. Thông tin khác về quản trị, điều hành (mạng lưới hoạt động, cơ cấu cổ đông lớn…)**

*(Phần này thuộc nội dung không bắt buộc, các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô căn cứ vào nguồn lực của đơn vị, đặc thù của đối tượng giám sát để tổ chức thực hiện.)*

**A.4. CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH KINH DOANH HẰNG NĂM**

**1. Chiến lược kinh doanh tổng thể**

*(Tầm nhìn, sứ mệnh hoạt động)*

*(Phương án, đề án hành động, hoạt động)*

**2. Kế hoạch kinh doanh hằng năm.**

*(Kế hoạch Huy động vốn - Sử dụng vốn, Mục tiêu lợi nhuận, Kế hoạch tăng trưởng tín dụng hằng năm)*

*(Kế hoạch thực hiện Phương án, đề án)*

**B. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ**

**B.1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**1. Một số chỉ tiêu chủ yếu về sử dụng vốn và huy động vốn**

*(Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng căn cứ vào đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng có thể bổ sung hoặc bớt các chỉ tiêu trong Mẫu nêu trên tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

**2. Một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh (Lũy kế)**

*(Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng căn cứ vào đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng có thể bổ sung hoặc bớt các chỉ tiêu trong Mẫu nêu trên tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

**B.2. ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ:**

**1. Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về:**

1.1. Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê (trong phạm vi các báo cáo của đối tượng giám sát ngân hàng được cấp có thẩm quyền phân công thực hiện);

1.2. Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129, 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro;

1.3. Giám sát tuân thủ việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 50 và khoản 4 Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi bổ sung); và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương III Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

1.4. Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về góp vốn, cho vay, gửi tiền, đầu tư của tổ chức tín dụng vào công ty con, công ty liên kết, chi nhánh ở nước ngoài;

1.5. Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

1.6. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, trong trường hợp cần thiết, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện rà soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, chất lượng tín dụng, rủi ro của các giao dịch, khoản cấp tín dụng, các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, các khoản phải thu khác có giá trị lớn.

1.7. Các nội dung khác (nếu có).

**2. Giám sát tuân thủ chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Căn cứ chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng, cán bộ giám sát an toàn vi mô thực hiện đánh giá tính tuân thủ đối với:

2.1. Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra;

*- Tình hình thực hiện theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra nếu đang phải thực hiện.*

*- Kế hoạch kiểm toán nội bộ, Báo cáo Tự kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, Báo cáo Kiểm toán nội bộ, Báo cáo của kiểm toán độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của đối tượng giám sát (nếu có).*

2.2. Văn bản khuyến nghị, cảnh báo trong giám sát ngân hàng;

*Các văn bản cảnh báo, kiến nghị và tình hình thực hiện*

2.3. Văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu nội dung, công việc cụ thể.

**B.3. ĐÁNH GIÁ RỦI RO:**

**1. Giám sát rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua việc sử dụng mô hình và phương pháp phân tích rủi ro do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ (nếu có)**

**2. Giám sát rủi ro thông qua việc phân tích, nhận định về tình hình hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

*(Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng căn cứ vào đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng có thể bổ sung thêm các chỉ tiêu trong Mẫu nêu trên tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu tại Mục 2 Chương II Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

2.1. Phân tích, nhận định về những thay đổi trọng yếu, các biến động bất thường thông qua việc sử dụng các ngưỡng thay đổi của các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lãi dự thu, chi phí, kết quả kinh doanh, và các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở kết quả từ hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa;

2.2. Xem xét những tác động trọng yếu đến quản trị, điều hành của đối tượng giám sát an toàn vi mô.

2.3. Trên cơ sở những thông tin bất lợi có thể ảnh hưởng trọng yếu đến đối tượng giám sát an toàn vi mô nhận được, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đánh giá, nhận định về tình hình rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng.

2.4. Giám sát tình hình cấp tín dụng, chất lượng tín dụng đối với lĩnh vực, đối tượng khách hàng và giao dịch có rủi ro cao trong hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô để phân tích và đánh giá mức độ tác động trọng yếu đến hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô.

2.5. Các nội dung khác (nếu có)

**C. KẾT QUẢ XẾP HẠNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*[Đưa ra kết quả xếp hạng chung và xếp hạng từng cấu phần theo quy định]*

**D. TIẾP XÚC, LÀM VIỆC TRỰC TIẾP VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*[Nêu các Công văn cảnh báo rủi ro, kết quả cuộc làm việc do cán bộ với đại diện TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó ghi rõ số hiệu văn bản ký, gửi TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp chưa có, ghi chưa có]*

**E. KHAI THÁC THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TỪ CÁC NGUỒN KHÁC**

*[Phân tích các vấn đề cần lưu ý khác thông qua thông tin về TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ các đơn vị khác (nếu có)]*

**F. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐÃ ÁP DỤNG TRONG KỲ BÁO CÁO**

*[Nêu các biện pháp xử lý đã được đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đề xuất áp dụng đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô trong kỳ, bao gồm cả các đề xuất trong báo cáo đột xuất.]*

**G. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

*- Các vấn đề cần quan tâm: Tổng hợp các vấn đề cần quan tâm trong các phần đánh giá ở trên.*

*- Đề xuất, kiến nghị:*

*[Căn cứ kết quả phân tích, giám sát, cán bộ giám sát đề xuất biện pháp giám sát cần thiết đối với đối tượng. Các kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng]*

**H. PHÊ DUYỆT**

| | **Cán bộ lập** | **Kiểm soát** |
|---|---|---|
| **Chữ ký** | | |
| **Họ và tên** | | |
| **Chức danh** | | |
| **Ngày ký** | | |

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ**

**Phụ lục III**

**MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ**

**(Áp dụng cho các đối tượng giám sát ngân hàng là các chi nhánh của cùng một tổ chức tín dụng trên địa bàn)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

*Các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tham khảo mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô dưới đây nhằm xây dựng Mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ được lập chung cho tất cả các chi nhánh thuộc cùng một tổ chức tín dụng trên địa bàn NHNN chi nhánh quản lý. Lưu ý đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu theo quy định tại Thông tư...../2022/TT-NHNN. Đối với Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô không cần thiết trình bày các mục A, C, D, E và chỉ trình bày cụ thể nội dung cần báo cáo đột xuất tại mục B (không cần trình bày các nội dung không liên quan tại mục B) và đề xuất kiến nghị tại mục F.*

| | |
|---|---|
| …… (1)…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **…. (2) …** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-…(3)… | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ**

*(tên đối tượng giám sát)*

**… NĂM …**

| **TRẠNG THÁI BÁO CÁO** | |
|---|---|
| Báo cáo định kỳ: ☐<br>Báo cáo đột xuất: ☐ | |
| Ngày thực hiện:<br>Số liệu tại thời điểm: | ***Lần báo cáo gần nhất:*** *(định kỳ/đột xuất)*<br>Ngày thực hiện:<br>Số liệu tại thời điểm: |

| **HỒ SƠ CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG** | | |
|---|---|---|
| Tên: | Tên viết tắt: | |
| Địa điểm: | Điện thoại: | Fax: |
| Cán bộ làm đầu mối liên lạc: | | |
| Tên: Điện thoại: Email: | | |

| HỒ SƠ CÁN BỘ GIÁM SÁT | | | |
|---|---|---|---|
| Cán bộ giám sát: | Thời gian giám sát:<br>(Từ mm/20xx đến mm/20xx) | Điện thoại: | Email: |
| Cán bộ giám sát trước: | Thời gian giám sát:<br>(Từ / đến / ) | Điện thoại: | Email: |

**A. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG LÀ CÁC CHI NHÁNH CỦA CÙNG MỘT TỔ CHỨC TÍN DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN.**

**1. Thông tin cơ bản**

*[Ghi đầy đủ về các đơn vị trực thuộc cùng một tổ chức tín dụng trên địa bàn: Số lượng chi nhánh bao gồm phòng giao dịch, điểm giới thiệu dịch vụ, đơn vị sự nghiệp].*

**2. Thông tin khác về quản trị, điều hành**

*(Phần này thuộc nội dung không bắt buộc, các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô căn cứ vào nguồn lực của đơn vị, đặc thù của đối tượng giám sát để tổ chức thực hiện.)*

**B. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ**

**B.1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**3. Một số chỉ tiêu chủ yếu về sử dụng vốn và huy động vốn**

*(Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng căn cứ vào đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng có thể bổ sung hoặc bớt các chỉ tiêu trong Mẫu nêu trên tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

**4. Một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh (Chênh lệch thu - chi )**

*(Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng căn cứ vào đặc thù của đối tượng giám sát ngân hàng có thể bổ sung hoặc bớt các chỉ tiêu trong Mẫu nêu trên tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

**B.2. ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ:**

**1. Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về:**

1.1. Chế độ báo cáo thống kê (trong phạm vi các báo cáo của đối tượng giám sát ngân hàng được cấp có thẩm quyền phân công thực hiện);

1.2. Các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng áp dụng đối với chi nhánh.

**2. Giám sát tuân thủ chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến chi nhánh của TCTD**

Căn cứ chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng, cán bộ giám sát an toàn vi mô thực hiện đánh giá tính tuân thủ đối với:

2.1. Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra;

*- Tình hình thực hiện theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra nếu đang phải thực hiện.*

*- Kế hoạch kiểm toán nội bộ, Báo cáo Tự kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, Báo cáo Kiểm toán nội bộ, Báo cáo của kiểm toán độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của đối tượng giám sát (nếu có) .*

2.2. Văn bản khuyến nghị, cảnh báo trong giám sát ngân hàng;

*Các văn bản cảnh báo, kiến nghị và tình hình thực hiện*

2.3. Văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu nội dung, công việc cụ thể.

**B.3. ĐÁNH GIÁ RỦI RO:**

**Giám sát rủi ro tập trung thông qua việc phân tích, nhận định về tình hình hoạt động của các chi nhánh của TCTD**

1. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và chênh lệch thu chi;

2. Tình hình cấp tín dụng và chất lượng tín dụng của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

3. Lập, cập nhật danh sách thông tin nhân sự, trong đó tối thiểu bao gồm giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng;

4. Các thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của đối tượng giám sát.

**C. TIẾP XÚC, LÀM VIỆC TRỰC TIẾP VỚI CÁC CHI NHÁNH**

*[Nêu các Công văn cảnh báo rủi ro, kết quả cuộc làm việc do cán bộ với đại diện chi nhánh của tổ chức tín dụng, trong đó ghi rõ số hiệu văn bản ký, gửi các chi nhánh; trường hợp chưa có, ghi chưa có]*

**D. KHAI THÁC THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG TỪ CÁC NGUỒN KHÁC**

*[Phân tích các vấn đề cần lưu ý khác thông qua thông tin về các chi nhánh của tổ chức tín dụng từ các đơn vị khác **(nếu có)**]*

**E. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐÃ ÁP DỤNG TRONG KỲ BÁO CÁO**

[Nêu các biện pháp xử lý đã được đơn vị giám sát an toàn vi mô đề xuất áp dụng đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô trong kỳ, bao gồm cả các đề xuất trong báo cáo đột xuất.]

**F. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

*- Các vấn đề cần quan tâm: Tổng hợp các vấn đề cần quan tâm trong các phần đánh giá ở trên.*

*- Đề xuất, kiến nghị:*

*[Căn cứ kết quả phân tích, giám sát, cán bộ giám sát đề xuất biện pháp giám sát cần thiết đối với đối tượng. Các kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng]*

**G. PHÊ DUYỆT**

| | | |
|---|---|---|
| **Chữ ký** | **Cán bộ lập** | **Kiểm soát** |
| | | |
| **Họ và tên** | | |
| **Chức danh** | | |
| **Ngày ký** | | |

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ**

**Phụ lục IV**

**MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VĨ MÔ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)*

*Các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô tham khảo mẫu báo cáo giám sát an toàn vĩ mô dưới đây nhằm xây dựng Mẫu báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ phù hợp với đặc thù đối tượng giám sát ngân hàng do đơn vị mình phụ trách. Lưu ý đảm bảo các nội dung giám sát tối thiểu theo quy định tại Thông tư /2022/TT-NHNN. Đối với Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô không cần thiết trình bày đầy đủ các phần I, II, III, IV, V; chỉ trình bày cụ thể nội dung cần báo cáo đột xuất tại phần I, II, III, IV, V và đề xuất kiến nghị tại Phần VI.*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG**<br>**CỤC……** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-… | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO GIÁM SÁT AN TOÀN VĨ MÔ**

**HỆ THỐNG VÀ NHÓM CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG,**

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

***…Năm…***

**PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ**

*Tóm tắt những thông tin mang tính tổng hợp về các vấn đề nổi bật về tình hình kinh tế vĩ mô. Ví dụ: về tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, mặt bằng lãi suất, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, thị trường chứng khoán, bất động sản, v.v..*

Cán bộ giám sát tập trung đánh giá một số chỉ tiêu chính có ảnh hưởng đến mức độ an toàn, ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi chung là TCTD)/nhóm các TCTD như: Tăng trưởng kinh tế (GDP), Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), Thị trường bất động sản, Hoạt động của doanh nghiệp, Tỷ giá, Lãi suất. Ngoài ra, căn cứ vào diễn biến kinh tế trong từng thời kỳ và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống các TCTD/nhóm các TCTD, cán bộ giám sát xem xét, bổ sung đánh giá một số chỉ tiêu như: tình hình thiên tai, dịch bệnh, thị trường chứng khoán, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, tình hình lao động và việc làm...

**PHẦN II. PHÂN TÍCH NHẬN ĐỊNH MỨC ĐỘ LÀNH MẠNH**

1. Tình hình vốn chủ sở hữu, mức độ an toàn vốn,

2. Tình hình huy động vốn, sử dụng vốn

3. Tình hình thanh khoản

4. Tình hình nợ xấu, chất lượng tài sản

5. Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng

6. Kết quả hoạt động kinh doanh, lãi dự thu

**PHẦN III: ĐÁNH GIÁ SỨC CHỊU ĐỰNG**

1. Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng thông qua phân tích, dự báo về diễn biến nợ xấu theo các kịch bản kinh tế vĩ mô, tác động của các giả định về chuyển nhóm nợ, giả định về khách hàng lớn mất khả năng trả nợ;

2. Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thị trường thông qua phân tích tác động theo các kịch bản biến động về tỷ giá, lãi suất lên mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống, nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

3. Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro lan truyền liên ngân hàng trên cơ sở ma trận liên ngân hàng;

4. Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thanh khoản thông qua phân tích khả năng thanh khoản trong trường hợp xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt.

**PHẦN IV: KHẢ NĂNG XẢY RA KHỦNG HOẢNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VÀ BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ** (trong trường hợp cần thiết)

**PHẦN V: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐÃ ÁP DỤNG TRONG KỲ BÁO CÁO**

[Nêu các biện pháp xử lý đã được đơn vị giám sát an toàn vi mô đề xuất áp dụng đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô trong kỳ, bao gồm cả các đề xuất trong báo cáo đột xuất.]

**PHẦN VI: KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Đưa ra các kiến nghị, đề xuất các giải pháp cần thực hiện nhằm đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT AN TOÀN VĨ MÔ**